TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 114/2026/HS-ST
Ngày: 28 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân*:* Ông Vũ Hữu Thuấn và ông Bùi Minh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thể – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2026/TLST – HS ngày 22 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2026/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân D, sinh ngày 16/10/1953; Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, tỉnh Hưng Yên; số CCCD: 034053012178; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị H, đều đã chết; có vợ là Phạm Thị T2, sinh năm 1956, trú cùng địa chỉ và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1985. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 16/01/1982, Nguyễn Xuân D bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Hà Tuyên ra Quyết định khởi tố bị can số 09/QĐ về tội "Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa". Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã tiến hành điều tra xác minh, xong đến nay không có tài liệu nào xác định D có tiền án.

* *Bị hại:* Ông Phạm Văn B, sinh năm 1963, trú tại thôn Đầm, xã Bắc Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt)

***** *Người làm chứng:* Ông Trần Văn T3, sinh năm 1970 (có mặt); ông Phạm Văn T4, sinh năm 1971 (vắng mặt); bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1966 (có mặt); chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994 (vắng mặt), đều trú tại thôn Đ, xã H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân D, ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn T4 có mối quan hệ gia đình (D là anh rể của ông B và ông T4, nhà gần nhau), giữa 2 bên có mâu thuẫn từ trước. Chiều ngày 14/12/2025, D sau khi uống rượu, do bức xúc với vợ từ trước nên D chửi đổng vợ và bố mẹ vợ. Thấy vậy, ông T4 đã gọi điện thoại cho ông Trần Văn T3, trong tổ lực lượng an ninh cơ sở đến can ngăn nhưng D vẫn chửi. Lúc này ông B đi ra bến đò để chở khách thì thấy D chửi bố mẹ mình nên bức xúc, giữa ông B và D lời qua tiếng lại, ông B cầm trên tay 01 đoạn tuýp sắt dài 75cm, đường kính 34mm hằng ngày dùng để đẩy đò. Thấy vậy, D cúi xuống nhặt 2 viên gạch nhỏ cạnh cổng nhà thì được ông T3 can ngăn. D vứt 2 viên gạch nhỏ xuống, chạy vào trong gian phòng khách trong nhà lấy 1 đoạn tuýp sắt dài 1,5m, đường kính 27mm chạy đến phía ông B đang đứng ở gần bến đò Ngói, 2 bên tiếp tục lời qua tiếng lại. D cầm đoạn tuýp sắt bằng 2 tay vụt ngang, từ trái qua phải trúng vào chân trái của ông B. Hậu quả: ông B bị thương tích gãy đầu trên xương chày trái, điều trị tại Bệnh viện đa khoa Đông Hưng, từ ngày 14/12/2025 đến ngày 17/12/2025 được ra viện.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 237 ngày 05/01/2026 của Trung tâm pháp y và giám định y khoa - Sở y tế Hưng Yên kết luận về thương tích của ông Phạm Văn B: "Gãy thân xương chày trục thẳng không ngắn chi. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 12%. Cơ chế hình thành thương tích do vật tày cứng gây nên".

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên, bị hại không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng và kết luận giám định, xác nhận đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 - Hưng Yên giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Xuân D và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân D phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 134); điểm b, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50, 65; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, các Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D mức án từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 năm đến 4 năm 06 tháng. Ngoài ra còn đề nghị về vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí.

Bị cáo và bị hại không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Rất ân hận về hành vi của mình, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tố tụng, của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền,trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến đề nghị, khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa bị cáo đã thừa nhận:

Khoảng 16 giờ ngày 14/12/2025, tại khu vực bến đò Ngói, thuộc địa phận thôn Đầm, xã Bắc Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên, do có mâu thuẫn từ trước, Nguyễn Xuân D đã cầm 1 đoạn tuýp sắt dài 1,5m, đường kính 27mm bằng 2 tay, vụt ngang từ trái qua phải, trúng vào chân trái của ông Phạm Văn B, gây tổn hại 12% sức khỏe. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai, đơn trình báo của bị hại trong quá trình điều tra, phù hợp với kết luận giám định tổn thương cơ thể, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, đã dùng hung khí nguy hiểm cố ý thực hiện hành vi xâm phạm đến sức khỏe người khác gây tổn hại sức khỏe 12%. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Xuân D đã phạm tội "Cố ý gây thương tích", quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

"Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này".

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt

cho bị cáo. Do đó được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, o khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải phải xử bị cáo một mức án phù hợp mới đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, bản thân bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là người cao tuổi, có nơi cư trú ổn định nên không cần thiết phải xử lý bị cáo mức án phạt tù mà chỉ cần cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và ông B. Bị cáo đã bồi thường cho ông B số tiền 10.000.000 đồng, ông B đã nhận tiền và không yêu cầu bồi thường thêm gì khác.

[6] Về xử lý vật chứng: 1 đoạn tuýp sắt dài 1,5 m, đường kính 27 mm (là vật chứng, bị cáo dùng gây thương tích cho ông B) là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu hủy và 01 đoạn tuýp sắt dài 75cm, đường kính 34mm (quản lý của ông B), tuy nhiên có giá trị rất thấp, ông B không nhận lại và đề nghị tiêu hủy nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Bị cáo là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134); điểm b, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50, 65; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, các Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân D phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D 01 (một) năm 09 (chín) tháng nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân D cho Uỷ ban nhân dân xã Bắc Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo và bị hại thỏa thuận bồi thường cho bị hại tổng số tiền 10.000.000 đồng (đã bồi thường xong).

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn tuýp sắt dài 1,5 m đường kính 27mm và 01 đoạn sắt dài 75 cm, đường kính 34 mm.

(*Các tài sản, đồ vật trên có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan điều tra và Thi hành án Hưng Yên).*

5. Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo Nguyễn Xuân D.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/5/2026.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên.
- Cơ quan điều tra, Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã H;
- Bị cáo; bị hại;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HCT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vương